

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 12/01/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **Huỳnh Văn Ngoan**;

2/ Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Liên** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2022/TLPT-HNGĐ ngày 09/11/2022 về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 205/2022/HN-ST ngày: 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 382/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đào Văn H, sinh năm 1969 (vắng mặt).

HKTT: ấp KN, xã LB, huyện GCT, Tiền Giang.

Địa chỉ: ấp TT, xã BT, huyện GCT, Tiền Giang.

Bị đơn: Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: ấp PT, xã LB, huyện GCT, Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Ngọc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Đào Văn H trình bày:

Trước đây, do anh buồn sau khi ly hôn với vợ trước thì chị của chị M giới thiệu mai mối cô M cho anh, có làm lễ ra mắt hai bên gia đình năm 2018 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Long Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/8/2018. Sau khi làm lễ ra mắt hai bên thì anh chị chung sống với nhau, anh đem cô M về nuôi dưỡng. Do một phút lỡ lầm, mất cảnh giác anh bị hãm hại, gia đình chị M buộc anh phải kết hôn. Trước khi kết hôn giữa anh và chị M đã có thời gian “vui vẻ” thì anh cho chị M 500.000 đồng.

Trong suốt thời gian chung sống đến khi con anh được 09 tháng thì anh trả chị M về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay. Anh xác định từ khi sống chung đến nay anh không hề có tình cảm với chị M nên năm 2020 thì anh đã nộp đơn xin ly hôn chị M tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây. Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị M do con anh chưa đủ 01 tuổi. Từ khi Tòa án giải quyết đến nay, anh cũng không thể chung sống với chị M và không hề có tình cảm gì. Nay, anh cương quyết ly hôn với chị M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đào Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 14/7/2019 hiện đang sống với chị M. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu Y cho chị M nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc M trình bày: Trước đây, anh H ly hôn vợ, anh H là bạn thân chí cốt với chị ruột của chị. Lúc đó, anh H năn nỉ chị ba của chị kêu chị ba giới thiệu cho anh cô gái để sống đến trọn đời thì chị ba của chị giới thiệu chị cho anh H và hai bên đảm bảo sống đến trọn đời. Anh H đã đồng ý cưới chị nên qua nhà bỏ rượu, hai bên có tổ chức lễ cưới và có cho chị 13 chỉ vàng 18k, 7,5 chỉ vàng 24k.

Sau khi cưới về thì anh H có hứa để cho anh đưa con thì anh cất nhà cho chị ở. Trong lúc chị mang thai thì anh H bỏ bê, không quan tâm, chăm sóc. Sau khi sinh con thì chị về nhà vợ chồng chung sống đến khi con gái được 09 tháng tuổi thì anh H dẫn người con gái khác về nhà, chị bắt gặp thì anh H xô chị té ngã và đánh chị mấy bạt tay nên chị điện mẹ rước về nhà sống và ly thân cho đến nay. Nay, chị vẫn còn thương anh H nên chị không đồng ý ly hôn với anh H.

Về tài sản chung: Không tranh chấp.

Về nợ chung: Không có

* Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 205/2022/HN-ST ngày: 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đào Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đào Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc M.

Về con chung: Giao con chung tên Đào Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 14/7/2019 cho chị M nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày 05/7/2022 cho đến khi cháu trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/7/2022, bị đơn chị Nguyễn Ngọc M có đơn kháng toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý ly hôn với anh H. Còn anh H vắng mặt. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Anh Đào Văn H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc M nên xác định quan hệ tranh chấp: “*Xin ly hôn*” theo qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt không lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nên tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo của chị M, hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh chị tiến tới hôn nhân vào năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì ly thân cho đến nay do có nhiều mâu thuẫn. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn. Còn chị M cho rằng vẫn còn tình cảm với chồng nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, anh chị chung sống có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng không hợp nhau và chị M đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 4/2020. Đến tháng 7/2020 anh M đã có đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây. Tại bản án số 305/2020/HNGĐ-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xử: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M. Sau đó anh M có đơn kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm anh M đã rút yêu cầu kháng cáo nên hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ yêu cầu kháng cáo của anh M, bản án số 305/2020/HNGĐ-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây đã có hiệu lực pháp luật. Chứng tỏ, cấp sơ thẩm đã cho anh chị có thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc, nhưng chị M cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Nay anh H vẫn cương quyết ly

hôn, chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh H yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Chị M kháng cáo, không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đối với qui định về thăm nom, chăm sóc con chung: Cấp sơ thẩm không tuyên quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là vi phạm điều 92 luật hôn nhân gia đình. Tuy nhiên, chị M không kháng cáo, viện kiểm sát cũng không kháng nghị nên cấp phúc thẩm sẽ bổ sung cho phù hợp, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị M không được chấp nhận nên chị M phải chịu án phí phúc thẩm.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc M.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân sơ thẩm số 205/2022/HN-ST ngày: 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đào Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đào Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc M.

Về con chung: Giao con chung tên Đào Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 14/7/2019 cho chị M nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày 05/7/2022 cho đến khi cháu trưởng thành.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, chị M không được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

2. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006184 ngày

10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Như vậy anh H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006287 ngày 5/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, xem như đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS h Gò Công Tây;
- Tòa án ND h Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thơ